TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH TÂY NINH** Bản án số: 21/2018/DS-ST Ngày 23 - 3 - 2018 V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Tấn Thắng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Vân.

Bà Nguyễn Thị Nhàn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lâm Thị Thanh Hằng là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Võ Minh Mẫn - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 3 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 272/2017/TLST- DS ngày 03 tháng 11 năm 2017 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2018/QĐXXST-DS ngày 02 tháng 3 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1956; địa chỉ: Tổ 5, ấp B, xã H, huyện C, tỉnh Tây Ninh. (Vắng mặt)

Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị B, sinh năm: 1980; địa chỉ: ấp B, xã H, huyện C, tỉnh Tây Ninh. (văn bản uỷ quyền ngày 07/11/2017) (Có mặt)

- *Bị đơn:*

1. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1979; (Có mặt)

2. Ông Nguyễn Văn T1, sinh năm 1979; (Có mặt)

Cùng địa chỉ: Tổ 2, ấp L, xã Đ, huyện C, tỉnh Tây Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 03/10/2017 của nguyên đơn, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn là bà Nguyễn Thị B trình bày:

Lúc bà Nguyễn Thị R(vợ ông Nguyễn Văn D) còn sống có cho vợ chồng bà Nguyễn Thị T, ông Nguyễn Văn T1 mượn số tiền 300.000.000 đồng, sau đó bà Nguyễn Thị R chết, số tiền này được chuyển qua cho ông Nguyễn Văn D, bà Nguyễn Thị T là người ký hợp đồng vay tiền ngày 30/8/2015 với ông Nguyễn Văn D. Hợp đồng này có thời hạn vay là 02 năm. Hai bên có thoả thuận miệng tiền lãi đóng mỗi tháng cứ 1.000.000 đồng/20.000 đồng tiền lãi. Vợ chồng bà Nguyễn Thị T, ông Nguyễn Văn T1 có làm cam kết trả số tiền 300.000.000 đồng theo từng tháng, mỗi tháng 2.000.000 đồng. Vợ chồng bà Nguyễn Thị T, ông Nguyễn Văn T1 trả cho ông Nguyễn Văn D được 06 lần với số tiền 12.000.000 đồng tiền lãi thì không trả.

Tại phiên hòa giải, người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Văn D yêu cầu Toà án giải quyết buộc ông Nguyễn Văn T1 và bà Nguyễn Thị T trả số tiền gốc là 300.000.000 (ba trăm triệu) đồng và tiền lãi từ ngày 30/8/2015 đến ngày 30/02/2018 theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước quy định 0,75%/tháng là 67.500.000 đồng.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Văn D thay đổi yêu cầu: chỉ yêu cầu ông Nguyễn Văn T1 và bà Nguyễn Thị T trả số tiền gốc là 288.000.000 (hai trăm tám mươi tám triệu) đồng và tiền lãi từ ngày 30/8/2015 đến ngày 23/3/2018 theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước quy định 0,75%/tháng là 66.528.000 đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, bị đơn là bà Nguyễn Thị T trình bày:

Khi bà Nguyễn Thị R (vợ ông Nguyễn Văn D) còn sống có cho vợ chồng bà mượn số tiền 300.000.000 đồng, sau đó bà Nguyễn Thị R chết, số tiền này được chuyển qua cho ông Nguyễn Văn D, bà là người ký hợp đồng vay tiền ngày 30/8/2015 với ông Nguyễn Văn D. Hợp đồng này có thời hạn vay là 02 năm, không có lãi. Vợ chồng bà có làm cam kết trả số tiền 300.000.000 đồng này theo từng tháng, mỗi tháng 2.000.000 đồng nhưng chỉ trả cho ông Nguyễn Văn D được 06 lần với số tiền 12.000.000 đồng thì không có khả năng trả.

Bà thừa nhận còn nợ tiền gốc là 288.000.000 đồng; yêu cầu được trả dần, không trả lãi do hoàn cảnh gia đình khó khăn.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, bị đơn là ông Nguyễn Văn T1 trình bày:

Ông thống nhất với lời trình bày của vợ ông là bà T; còn nợ tiền gốc là 288.000.000 đồng; yêu cầu được trả dần, không trả lãi do hoàn cảnh gia đình khó khăn.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh trình bày:

Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo thủ tục tố tụng dân sự, không có vi phạm. Các đương sự tham gia tố tụng trong vụ án chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu của ông Nguyễn Văn D; Buộc bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Văn T1 phải trả 288.000.000 tiền nợ gốc và 14.688.000 đồng tiền lãi; không chấp nhận thời gian tính lãi từ ngày 30/8/2015 đến ngày 30/8/2017 là 51.840.000 đồng. Ông Nguyễn Văn D phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm 2.592.000 đồng; bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Văn T1 phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 15.134.400 (mười lăm triệu một trăm ba mươi bốn nghìn bốn trăm) đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Ông Nguyễn Văn D khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Văn T1, bà Nguyễn Thị T trả số tiền gốc là 300.000.000 (ba trăm triệu) đồng và tiền lãi từ ngày 30/8/2015 đến ngày 23/3/2018 theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước quy định là 0,75% là 66.528.000 đồng theo hợp đồng vay tiền ngày 30/8/2015; bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Văn T1 có nơi cư trú tại huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh nên đây là tranh chấp về dân sự và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về yêu cầu của các đương sự: Căn cứ vào hợp đồng vay tiền ngày 30/8/2015, giấy cam kết ngày 21/4/2016 và giấy nhận tiền được Người đại diện theo uỷ quyền của ông Nguyễn Văn D cung cấp; căn cứ vào lời trình bày của

các đương sự: Hội đồng xét xử thấy rằng bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Văn T1 có vay của ông Nguyễn Văn D số tiền 300.000.000 đồng, thời hạn vay 02 năm từ ngày 30/8/2015. Tại phiên tòa, các đương sự đã thống nhất là bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Văn T1 đã trả được 12.00.000 đồng; còn nợ lại số tiền nợ gốc là 288.000.000 đồng nên ghi nhận. Về tiền lãi: Người đại diện theo uỷ quyền của ông Nguyễn Văn D khẳng định hợp đồng vay có lãi, hai bên không có thoả thuận bằng văn bản mà thoả thuận miệng về lãi suất nhưng bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Văn T1 không thừa nhận có thoả thuận miệng, chưa đóng lãi lần nào và Người đại diện theo uỷ quyền của ông Nguyễn Văn D cũng không cung cấp được chứng cứ để chứng minh. Do đó, không có cơ sở xác định hợp đồng vay này là có lãi. Mặt khác, căn cứ khoản 4 Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005, hợp đồng vay này không có lãi và bên vay, bên cho vay không thoả thuận lãi suất chậm trả nên khi đến hạn trả nợ mà bị đơn trả nợ không đầy đủ thì bên vay phải trả lãi đối với khoản nợ chậm trả theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời hạn chậm trả tại thời điểm trả nợ. Do đó, yêu cầu của ông Nguyễn Văn D về việc tính lãi từ ngày 30/8/2015 đến ngày 30/8/2017 theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước quy định 0,75%/tháng là 51.840.000 đồng không được chấp nhận là có căn cứ; Bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Văn T1 phải trả lãi đối với khoản nợ chậm trả là 288.000.000 đồng x lãi suất cơ bản là 0,75%/tháng nghĩa là 0,025%/ngày x thời gian chậm trả từ ngày 31/8/2017 đến ngày xét xử 23/3/2018 là 204 ngày với số tiền là 14.688.000 đồng là phù hợp.

[2] Xét yêu cầu trả dần của bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Văn T1: Các đương sự không thống nhất được phương thức trả nên không chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Văn T1. Do đó, cần buộc bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Văn T1 có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Nguyễn Văn D tiền nợ gốc và lãi, khi đến hạn là phù hợp khoản 1 Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005.

[3] Về án phí: Căn cứ khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 4 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án: Ông Nguyễn Văn D phải chịu án phí phần yêu cầu không được chấp nhận 51.840.000 đồng là 2.592.000 (Hai triệu năm trăm chín mươi hai nghìn) đồng; Bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Văn T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với phần yêu cầu của nguyên

đơn được Tòa án chấp nhận 302.688.000 đồng là 15.134.400 (mười lăm triệu một trăm ba mươi bốn nghìn bốn trăm) đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự 2015;

Căn cứ Điều 471, Điều 473, Điều 474, Điều 476 Bộ luật dân sự 2005;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bà Nguyễn Thị T, ông Nguyễn Văn T1 có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Nguyễn Văn D số tiền 302.688.000 (ba trăm linh hai triệu sáu trăm tám mươi tám nghìn) đồng, trong đó tiền gốc là 288.000.000 (hai trăm tám mươi tám triệu) đồng, tiền lãi là 14.688.000 (mười bốn triệu sáu trăm tám mươi tám nghìn) đồng.

Kể từ ngày ông Nguyễn Văn D có đơn yêu cầu thi hành án nếu bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Văn T1 chưa trả đủ số tiền trên thì hàng tháng bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Văn T1 phải trả lãi theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước công bố tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

2. Không chấp nhận yêu cầu tính lãi của ông Nguyễn Văn D với số tiền là 51.840.000 (Năm mươi mốt triệu tám trăm bốn mươi nghìn) đồng.

3. Về án phí:

Ông Nguyễn Văn D phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm 2.592.000 (Hai triệu năm trăm chín mươi hai nghìn) đồng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 7.500.000 (Bảy triệu năm trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0018473 ngày 03/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh. Ông Nguyễn Văn D được hoàn lại số tiền chênh lệch là 4.908.000 (bốn triệu chín trăm linh tám nghìn) đồng.

Bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Văn T1 có nghĩa vụ liên đới chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 15.134.400 (mười lăm triệu một trăm ba mươi bốn nghìn bốn trăm) đồng.

Các đương sự được quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7,9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *Phòng KTNV. TAND tỉnh Tây Ninh;*
- *VKSND huyện Châu Thành;*
- *Chi cục THADS huyện Châu Thành;*
- *Đương sự;*
- *Lưu.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)
Trần Tấn Thắng